

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ TUY AN BẮC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12 /NQ-HĐND

Tuy An Bắc, ngày 08 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TUY AN BẮC
KHOÁ I, KỲ HỌP THỨ HAI (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ- HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 0498 /QĐ-UBND ngày 21/7/2025 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2025 Tỉnh Đắk Lắk sau sắp xếp.

Sau khi xem xét Tờ trình số 22/TTr-UBND, ngày 04/8/2025 của UBND xã về việc điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách xã năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và tổng số thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Tuy An Bắc năm 2025

1. Tổng số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 5.863 triệu đồng;
2. Tổng số thu ngân sách: 86.226 triệu đồng;

3. Tổng số chi ngân sách: 86.226 triệu;

(Đính kèm các Phụ lục I, II, III)

Điều 2. Phân bổ ngân sách xã năm 2025

1. Tổng số thu ngân sách địa phương: 86.226 triệu đồng;

a) Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp: 2.757 triệu đồng.

Trong đó:

- Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%: 1.148 triệu đồng.

- Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng tỷ lệ %: 1.609 triệu đồng.

b) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 83.469 triệu đồng.

2. Tổng số chi ngân sách địa phương: 86.226 triệu đồng;

Trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển: 1.636 triệu đồng.

b) Chi thường xuyên: 26.667 triệu đồng.

c) Dự phòng ngân sách: 417 triệu đồng.

d) Chi chuyển giao sự nghiệp giáo dục: 50.646 triệu đồng.

e) Chi chuyển giao sự nghiệp đào tạo: 1.189 triệu đồng.

f) Chi chuyển giao sự nghiệp khác: 5.671 triệu đồng

(Đính kèm các Phụ lục số IV, V)

Điều 3. Giải pháp thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2025

Thông nhất các giải pháp thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã, các giải pháp tại Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế. Trong đó nhấn mạnh một số giải pháp cơ bản sau đây:

a) Tiếp tục triển khai và thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Tỉnh về một số giải pháp hỗ trợ sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, tái cơ cấu kinh tế, giải quyết nợ xấu và xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong việc điều hành phát triển kinh tế. Tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng môi trường ổn định, tăng cường thu hút đầu tư theo hướng bền vững; thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh và tăng trưởng kinh tế; tăng tích lũy và phát triển nguồn thu, đảm bảo nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

b) Tập trung tổ chức tốt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, tạo sự thuận lợi để người nộp thuế thực hiện cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế, tăng trách nhiệm của người nộp thuế và cơ quan thu thuế; tăng cường công tác kiểm tra, chống thất thu, nợ đọng thuế, tạo môi trường bình đẳng cho mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ các khoản nợ thuế, tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế thu nợ theo quy định của pháp luật; đảm bảo tính nghiêm minh trong việc chấp hành pháp luật thuế.

c) Quản lý ngân sách chặt chẽ, chi tiêu tiết kiệm, phân bổ nguồn lực đầu tư công hợp lý, hiệu quả để góp phần phát triển kinh tế - xã hội của xã. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã triển khai, thực hiện Nghị quyết này và báo cáo HĐND tại các kỳ họp.

Chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực về số liệu, nội dung lập dự toán NSNN; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết của HĐND xã và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn theo quy định của pháp luật, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tuy An Bắc khóa I, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 08 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Thường trực HĐND xã;
- UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các Ban của HĐND xã;
- Các Tổ đại biểu HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành, Trung tâm thuộc UBND xã;
- VP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, VP. 



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Liêm



Phụ lục I

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 XÃ TUY AN BẮC

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 07 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	5.863
1	Thu nội địa	5.863
2	Thu từ xuất nhập khẩu	
3	Thu viện trợ không hoàn lại	
B	Thu ngân sách địa phương	86.226
1	Thu ngân sách địa phương theo phân cấp	2.757
	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.148
	Các khoản thu NSDP hưởng tỷ lệ %	1.609
2	Bổ sung từ Ngân sách cấp trên	26.219
	Bổ sung cân đối	19.270
	Bổ sung có mục tiêu	6.949
	Bổ sung chương trình MTQG	
3	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước sang (CCTL)	0
4	Thu điều chỉnh dự toán từ ngân sách cấp huyện	57.250
	Chi thường xuyên	57.250
	Chi đầu tư	
C	Chi ngân sách địa phương	86.226
1	Chi đầu tư phát triển	1.636
	Trong đó: Chi từ dự toán ngân sách cấp huyện điều chỉnh	
2	Chi thường xuyên	84.173
	Trong đó: Chi từ dự toán ngân sách cấp huyện điều chỉnh	57.250
3	Dự phòng ngân sách	417
D	BỘI CHI NSDP	

Phụ lục II
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 12 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã)

ĐVT Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	5.863
I	THU NỘI ĐỊA	5.863
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do TW quản lý	-
	- Thuế giá trị gia tăng	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	- Thuế tài nguyên	
	- Thu khác còn lại	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do ĐP quản lý	2.557
	- Thuế giá trị gia tăng	2.501
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	56
	- Thuế tài nguyên	
	- Thu khác còn lại	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	-
	- Thuế giá trị gia tăng	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	
	- Thu từ khí thiên nhiên	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	- Thuế tài nguyên	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	-
	- Thuế giá trị gia tăng	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	
	- Thuế tài nguyên	
	- Các khoản thu khác	
5	Lệ phí trước bạ	199
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	131
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.630
9	Thuế bảo vệ môi trường	
10	Phí, lệ phí	293
	+ Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước TW giao	
	+ Phí, lệ phí do xã, phường thu	293
11	Tiền sử dụng đất	
12	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	
13	Thu khác ngân sách	378

	<i>Trong đó: - Thu các khoản đóng góp xây dựng CSHT và đóng góp khác</i>	150
	<i>- Thu khác còn lại</i>	228
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
15	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	675
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	
17	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả hoạt động xổ số điện toán)	
18	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN	
II	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	



Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	2
	TỔNG CHI NSDP	86.226
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	85.990
I	Chi đầu tư phát triển (1)	1.636
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.636
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi khoa học và công nghệ	
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	
-	Vốn NS tỉnh phân bổ theo tiêu chí	1.486
-	Hỗ trợ từ nguồn thu tiền sử dụng đất Khối tỉnh	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	
3	Chi đầu tư phát triển khác (nguồn huy động, đóng góp XDCSHT)	150
II	Chi thường xuyên	83.937
	Trong đó:	
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	57.334
	Sự nghiệp giáo dục (trong đó sự nghiệp giáo dục của 8 trường chuyển về xã)	50.646
	Sự nghiệp đào tạo (TT Chính trị)	1.189
	Sự nghiệp khác (TT VH TT & TT)	5.415
	Sự nghiệp đào tạo (TT HT CĐ)	84
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	0
3	Quốc phòng	1.864
4	An ninh và trật tự an toàn xã hội	2.031
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	76
7	Sự nghiệp phát thanh, truyền hình	108
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	72
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	218
10	Các hoạt động kinh tế	2.328

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý hành chính, tổ chức chính trị,...	19.027
12	Chi đảm bảo xã hội	810
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	69
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	
V	Dự phòng ngân sách	417
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	236
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	236
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

Ghi chú : (1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

S T T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi chương trình MTQG	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
14	Trường Tiểu học An Dân	7.530	7.530															
15	Trường THCS Võ Trứ	10.294	10.294															
16	Trường THCS Lê Thánh Tông	7.122	7.122															
17	Kinh phí phân bổ sau	0																
18	Dự phòng chi	417																

Ghi chú: - Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, Ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

- Chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên chi tiết các lĩnh vực theo quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước.



Phụ lục V

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 12/NQ-HĐND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của HĐND xã)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	Ghi chú
													Chi giao thông	Chi cấp, thoát nước	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	TỔNG SỐ	1.636,8	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1.636,8	896,8		300,0	0,0	0,0	0,0	
1	Phòng kinh tế	1.636,8	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	1.636,8	896,8	440,0	300,0	0,0	0,0	0,0	
1,1	Sửa chữa, gia cố kênh nội đồng T26- đồng Bà Trục	300,00										300,00			300,00				Đã thực hiện xong
1,2	Đường bê tông giao thông nội đồng Lò Ngói- Đồng Nà	397,11										397,11	397,11						Đã thực hiện xong
1,3	Đường bê tông nông thôn từ Hồ Giang- cầu Hòa Lạc thôn Phong Thăng	46,31										46,31	46,31						Đã thực hiện xong
1,4	Cống thoát nước tại chợ Thành thôn An Thổ	300,00										300,00		300,00					Đã thực hiện xong
1,5	Cống thoát nước tại nhà ông Nguyễn Ngộ thôn Bình Hòa	140,00										140,00		140,00					Chưa thực hiện
1,6	Tường rào và hệ thống giao thông nghĩa trang thôn Bình Chính	303,42										303,42	303,42						Đã thực hiện xong
1,7	Từ nguồn đóng góp của nhân dân	150,00										150,00	150,00						
	Đường BTNT từ DH32 đến nhà ông Cư	15,55										15,55	15,55						Đã thực hiện xong
	Đường nội đồng dọc tuyến D26	96,52										96,52	96,52						Đã thực hiện xong
	Chưa phân bổ	37,93										37,93	37,93						